

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG VI TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Kim Cương - Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI

Ngày nhận bài: 25/07/2018; ngày sửa chữa: 31/07/2018; ngày duyệt đăng: 07/08/2018.

Abstract: Nowadays, the continuous development of science, technology and the explosion of knowledge requires each individual to constantly self-study and improve his or her individual capacity. In order to do well, knowledge must equip learners with the necessary soft skills. The paper presents a brief description of soft skills and its role in the international integration trend, which provides some soft skills for students at the Central Transport College VI.

Keywords: Development, soft skills, students, vocational school, international integration trend.

1. Mở đầu

Việt Nam đã và đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tích cực và sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, điều đó đã tạo ra sự thay đổi nhanh chóng và không ngừng trên tất cả mọi mặt của đời sống KT-XH. Tuy nhiên, mọi sự thành công đều phải xuất phát từ yếu tố con người, điều đó đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu trong thời đại mới. Để thực hiện sứ mệnh này, GD-ĐT nói chung và các cơ sở đào tạo nghề nói riêng đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Đối với người học, sau khi tốt nghiệp ra trường có được việc làm phù hợp, có thu nhập và đóng góp cho xã hội tốt là nguyện vọng tha thiết và chính đáng, điều này cũng là mong muốn của các bậc phụ huynh và cũng chính là trách nhiệm của các cơ sở đào tạo nghề. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, mặc dù có rất nhiều đơn vị có nhu cầu tuyển dụng lao động, kể cả các doanh nghiệp nước ngoài, nhưng sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường lại rất khó khăn trong tìm kiếm việc làm; các doanh nghiệp, các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng lao động đều có chung nhận xét nguồn cung về nhân lực lao động chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu nhiều kỹ năng quan trọng để có thể đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Bài viết trình bày khái lược về *kỹ năng mềm* (KNM) và vai trò của nó trong xu thế hội nhập quốc tế, từ đó đề xuất phát triển một số KNM cho SV Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương IV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái lược về kỹ năng mềm

2.1.1. Khái niệm

Kỹ năng mềm (hay còn gọi là Kỹ năng thực hành xã hội) là thuật ngữ dùng để chỉ các kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người như: kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ

năng tự học, kỹ năng xác định mục tiêu, vượt qua khủng hoảng, kỹ năng sáng tạo và đổi mới.

Vì vậy, KNM có thể được hiểu là *các kỹ năng thuộc về tính cách của con người, những hành vi ứng xử, giao tiếp và cho phép tương tác với người khác. Trên thế giới kỹ năng này còn gọi là kỹ năng con người hay kỹ năng thực hành xã hội* [1].

KNM trang bị cho mỗi người lễ sống, thái độ sống, hành vi cá nhân, khả năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm,... KNM là một phần của kỹ năng sống, hay kỹ năng sống bao gồm KNM và một số kỹ năng khác.

2.1.2. Vai trò của kỹ năng mềm trong xu thế hội nhập quốc tế

Muốn thành công trong công việc và cuộc sống, con người cần được trang bị kiến thức và rất nhiều kỹ năng. Kỹ năng thông tin và tri thức hiện nay cũng đòi hỏi từng thành viên trong xã hội phải tự học suốt đời, trau dồi khả năng tư duy độc lập và thích ứng nhanh với những biến động thường xuyên, đa dạng, phức tạp của xã hội. Để làm được điều này, cần phải học tập và rèn luyện các KNM để có thể trở thành những con người vừa có năng lực chuyên môn vừa có kỹ năng tốt. KNM ngày càng được chứng minh có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại trong sự nghiệp và cuộc sống của một cá nhân.

Khi đánh giá năng lực của người lao động, người sử dụng lao động cũng thường căn cứ vào các tiêu chí liên quan đến kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với công việc. Những người sử dụng lao động coi trọng các KNM vì đây là một nhân tố đánh giá con người rất hiệu quả. Người có các KNM sẽ dẫn dắt được những người khác theo cùng một hướng để đạt một mục đích chung.

Với tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật như vậy, việc trang bị KNM để SV sau khi ra trường tiếp tục tự nghiên cứu, tự học tập, tự rèn luyện kỹ năng chuyên môn và thực hiện triết lý “học tập suốt đời”, “học để chung sống”, “học

để làm việc” là vô cùng quan trọng. Nó giúp các em thường xuyên cập nhật được những thay đổi của khoa học, công nghệ, giúp các em có đủ kỹ năng để xử lý mọi tình huống xảy ra trong quá trình làm việc hàng ngày. Được trang bị các KNM trong môi trường học tập, SV sẽ tham gia chủ động, tích cực hơn các hoạt động xã hội, biết cách tổ chức chuyên nghiệp và sáng tạo các hoạt động ngoại khóa, nâng cao kết quả học tập, biết cách thiết lập các mối quan hệ thân thiện với mọi đối tượng, có nhiều hơn các cơ hội nghề nghiệp và chắc chắn rằng sẽ giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống một cách hiệu quả hơn.

Như vậy, KNM là hành trang không thể thiếu của SV để phát triển nghề nghiệp trong tương lai, đặc biệt là đối với SV các trường nghề.

2.2. Những kỹ năng mềm cần thiết với sinh viên trường nghề

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã nghiên cứu và xác định các kỹ năng cần thiết cho người học:

Bộ Lao động Hoa Kỳ (The U.S. Department of Labor) cùng Hiệp hội Đào tạo và Phát triển Mỹ (The American Society of Training and Development) đã thực hiện một cuộc nghiên cứu về các kỹ năng cơ bản trong công việc. Kết luận được đưa ra là có 13 kỹ năng cơ bản cần thiết để thành công trong công việc: học và tự học; lắng nghe; thuyết trình; giải quyết vấn đề; tư duy sáng tạo; quản lý bản thân và tinh thần tự tôn; đặt mục tiêu/tạo động lực làm việc; phát triển cá nhân và sự nghiệp; giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ; làm việc đồng đội; đàm phán; tổ chức công việc hiệu quả; lãnh đạo bản thân.

Chính phủ Canada cũng có một bộ phụ trách về việc phát triển kỹ năng cho người lao động. Bộ Phát triển Nguồn Nhân lực và Kỹ năng Canada (Human Resources and Skills Development Canada - HRSDC) có nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực mạnh và có năng lực cạnh tranh, giúp người Canada nâng cao năng lực ra quyết định và năng suất làm việc để nâng cao chất lượng cuộc sống. Bộ này cũng có những nghiên cứu để đưa ra danh sách các kỹ năng cần thiết đối với người lao động. Conference Board of Canada là một tổ chức phi lợi nhuận của Canada dành riêng cho nghiên cứu và phân tích các xu hướng kinh tế, cũng như năng lực hoạt động các tổ chức và các vấn đề chính sách công cộng. Tổ chức này cũng đã có nghiên cứu và đưa ra danh sách các kỹ năng hành nghề cho thế kỷ 21 (Employability Skills 2000+) bao gồm 6 kỹ năng: giao tiếp; giải quyết vấn đề; tạo thái độ và hành vi tích cực; thích ứng; làm việc với người khác; nghiên cứu khoa học, công nghệ và toán.

Tại Úc, Hội đồng Kinh doanh Úc (*The Business Council of Australia - BCA*) và Phòng thương mại và

công nghiệp Úc (*the Australian Chamber of Commerce and Industry - ACCI*) với sự bảo trợ của Bộ Giáo dục, Đào tạo và Khoa học (the Department of Education, Science and Training - DEST) và Hội đồng giáo dục quốc gia Úc (*the Australian National Training Authority - ANTA*) đã xuất bản cuốn “Kỹ năng hành nghề cho tương lai” (năm 2002). Cuốn sách cho thấy các kỹ năng và kiến thức mà người sử dụng lao động yêu cầu bắt buộc phải có. Kỹ năng hành nghề (*employability skills*) là các kỹ năng cần thiết không chỉ để có được việc làm mà còn để tiến bộ trong tổ chức thông qua việc phát huy tiềm năng cá nhân và đóng góp vào định hướng chiến lược của tổ chức. Có 8 kỹ năng hành nghề cơ bản: giao tiếp; làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; sáng tạo và mạo hiểm; lập kế hoạch và tổ chức công việc; quản lý bản thân; học tập; công nghệ [dẫn theo 2].

Ở Việt Nam, tác giả Vĩnh Thắng đã nêu rõ những KNM mà SV Việt Nam đang rất thiếu đó là: học tập; thiết lập mục tiêu; quản lý thời gian; tổ chức công việc; giao tiếp; thuyết trình hiệu quả; lãnh đạo nhóm; làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; ra quyết định. Thực tế cho thấy, 10 KNM trên không chỉ giúp cho SV có ý thức trong học tập, giúp SV hoàn thiện bản thân, nâng cao năng suất, lao động, hiệu quả công việc mà còn là sự nhạy bén, thích nghi, tư duy sáng tạo, phản xạ nhanh trước những vấn đề của cuộc sống và công việc [3].

Qua nghiên cứu nội dung các kỹ năng đã được xây dựng của một số nước trên thế giới, để phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của GD-ĐT Việt Nam, đặc điểm của SV trường nghề, bài viết này đề xuất 9 KNM phù hợp và cần thiết trang bị cho SV trường nghề như sau:

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử (Interpersonal skills);
- Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills);
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solving skills);
- Kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm (Initiative and enterprise skills);
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organising skills);
- Kỹ năng quản lý bản thân (Self-management skills);
- Kỹ năng học tập suốt đời (Lifelong learning);
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Information and communication technology);
- Kỹ năng an toàn lao động và vệ sinh sức khỏe (Health & workplace safety).

Đối với người học nghề, sau khi tốt nghiệp ra trường, nếu họ có được 9 KNM thiết yếu này thì không những chỉ giúp nâng cao năng suất, hiệu quả công việc mà còn giúp ích rất nhiều trong mọi khía cạnh cuộc sống, ở gia đình, ngoài xã hội và tại nơi làm việc, nâng cao chất

lượng cuộc sống và văn hóa xã hội, góp phần thay đổi chất lượng lực lượng lao động của Việt Nam để hội nhập toàn cầu.

2.3. Một số biện pháp trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI

2.3.1. Tích hợp chuẩn đầu ra kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo cho sinh viên

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là quy định của cơ sở giáo dục về phẩm chất và năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo tương ứng. Chuẩn đầu ra phải phản ánh và phù hợp với nhu cầu của xã hội, của người sử dụng lao động, sự tiến bộ của khoa học công nghệ, khả năng tự học, tự nâng cao trình độ để tiếp tục phát triển của người học sau khi ra trường,... Lãnh đạo nhà trường cần xác định rõ KNM là mục tiêu SV cần phải có sau khi tốt nghiệp ra trường bên cạnh kỹ năng về chuyên môn nghề, từ đó đưa tích hợp chuẩn đầu ra KNM vào chương trình đào tạo của SV.

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã xác định, cần xây dựng chương trình, nội dung phù hợp, thiết thực để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng KNM cho SV ngay trong từng học phần; xem xét bổ sung thêm học phần KNM vào trong chương trình đào tạo để SV có điều kiện được phát triển kỹ năng một cách cụ thể, rõ ràng; tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm trong quá trình đào tạo.

Cách thức tiến hành biện pháp như sau:

- + Nhà trường cần tổ chức cho các khoa hoàn thiện chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo, trong đó có tích hợp chuẩn đầu ra về KNM.

- + Đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với chuẩn đầu ra mới xác định; từ đó bổ sung thêm học phần cần thiết hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung các học phần đã có để đáp ứng được chuẩn đầu ra mới.

- + Biên soạn chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, trong đó có học phần KNM.

2.3.2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng mềm đối với sinh viên

Để việc phát triển KNM cho SV đạt hiệu quả cao, nhà trường cần nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, SV về tầm quan trọng của KNM bởi nhận thức luôn là khâu đầu tiên của một quá trình hoạt động xã hội và có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chỉ khi có nhận thức đúng thì mới có hành động đúng, do đó nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, giảng viên, SV về vai trò của KNM cho SV là yếu tố quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục nói chung và hiệu quả phát triển KNM cho SV trong nhà trường nói riêng.

Biện pháp này giúp cho cán bộ, giảng viên nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của phát triển KNM, tạo cho giảng viên tinh thần tích cực ủng hộ và thực hiện nghiêm

túc khi phát triển KNM cho SV. Nâng cao nhận thức của SV sẽ giúp SV có động lực học tập và rèn luyện phát triển KNM.

Để thực hiện biện pháp này, có thể tiến hành một số hoạt động sau:

- + Tổ chức hội thảo, trao đổi để đại diện các đơn vị tuyển dụng, giảng viên tọa đàm về tầm quan trọng của kỹ năng mềm cho SV, từ đó SV có ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức, KNM.

- + Tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ giảng viên về tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung của KNM.

- + Thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giảng viên, SV học tập, nghiên cứu, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, các chủ trương của Đảng về phát triển GD-ĐT; các văn bản chỉ đạo của nhà nước về việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cao.

2.3.3. Đổi mới tổ chức thực hiện phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên

Hiện nay, gần như chưa có một bộ giáo trình chính thống về phát triển KNM cho SV trường nghề từ Bộ GD-ĐT. Cách phổ biến nhất được các trường áp dụng vẫn là lồng ghép giáo dục KNM cho SV vào các môn học của chương trình. Tùy từng trường đã có những cách lồng ghép khác nhau. Phát triển KNM cũng đã được lồng ghép vào các hình thức hoạt động ngoại khóa khác nhưng nhìn chung hình thức tổ chức còn nghèo nàn, đơn điệu, chưa cuốn hút được SV tham gia, do đó cần có sự đổi mới một cách tích cực.

Phát triển KNM cần phải được thực hiện một cách có hệ thống và thường xuyên trong các nhà trường, do đó việc cải tiến hình thức tổ chức nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của SV, giúp SV có khả năng hoạt động độc lập, tự chủ trong quá trình học tập của bản thân.

Có thể đa dạng hóa các hình thức phát triển KNM cho SV thông qua các hoạt động sau:

- + Xây dựng các câu lạc bộ, tổ chức hội thảo, diễn đàn, các cuộc thi nằm trong kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thông qua các hoạt động này, SV có cơ hội để thể hiện và tự khẳng định mình, rèn luyện các KNM như kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo,...

- + Đổi mới việc lồng ghép phát triển KNM trong các môn học: tổ chức sinh hoạt chuyên môn để lựa chọn những bài phù hợp có thể lồng ghép phát triển KNM, thống nhất cụ thể các hoạt động cần được thực hiện lồng ghép trong tiết dạy, lựa chọn thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho SV thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống hàng ngày; chú trọng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm tăng cường tính chủ động của SV trong quá trình nghiên cứu

bài học, đồng thời phát triển tối đa các KNM gắn với nội dung bài học.

+ Đổi mới các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện phát triển KNM cho SV: đánh giá kết quả cần tập trung vào những nội dung như bám sát chuẩn đầu ra phát triển KNM theo từng chủ điểm, của từng khối lớp, bám sát mục tiêu của từng hoạt động cụ thể, đánh giá kết quả từng nội dung hoạt động cụ thể, sự thành thực của SV trong việc ứng dụng các KNM vào những điều kiện, hoàn cảnh thích hợp, sự thay đổi hành vi, sự tiến bộ so với chính bản thân cá nhân SV.

2.3.4. Tăng cường các nguồn lực cho hoạt động phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thuộc hệ thống phương tiện của quá trình dạy học là điều kiện cần thiết, cơ sở thực hiện mục tiêu đổi mới chương trình giảng dạy và cũng là điều kiện quan trọng, cần thiết cho việc đổi mới phương pháp dạy học. Do đó, cần tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để phát triển KNM cho SV: xây dựng danh mục những cơ sở vật chất tối thiểu cần thiết phục vụ cho phát triển KNM đạt hiệu quả; xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm; thực hiện tốt việc xã hội hoá giáo dục, huy động các lực lượng, các nhà tài trợ ủng hộ kinh phí, phương tiện phục vụ cho hoạt động; xây dựng nội quy, quy chế sử dụng, bảo quản các trang thiết bị; tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên về cách sử dụng, bảo quản các máy móc, trang thiết bị hiện đại hiện có.

2.3.5. Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua thực tập tại doanh nghiệp

Mục tiêu của việc phát triển KNM cho SV là đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp đối với người lao động. Do đó, cần phải giúp SV hiểu rõ những yêu cầu của nghề thông qua quá trình thực tập tại các doanh nghiệp. Quá trình thực tập tại doanh nghiệp không chỉ tạo cơ hội để người học tiếp xúc trực tiếp với nhà tuyển dụng, tìm hiểu rõ về nghề, các thông tin về nhu cầu tuyển dụng mà còn tạo điều kiện cho các nhà tuyển dụng truyền đạt kiến thức thực tế nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và KNM cho người học.

Để thực hiện biện pháp này, nhà trường cần chủ động liên hệ, xây dựng mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, lên kế hoạch cụ thể và rõ ràng về thời gian, nội dung, cách thức tiến hành và kiểm tra đánh giá kết quả trong chương trình đào tạo. Trong quá trình thực tập, SV cần chủ động tìm hiểu, quan sát, học hỏi và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học được ở nhà trường.

3. Kết luận

KNM có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mỗi con người. Để đáp ứng các yêu cầu nguồn nhân lực chất

lượng cao trong quá trình hội nhập quốc tế, các cơ sở GD-ĐT cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực không chỉ vững kiến thức chuyên môn mà còn có đủ khả năng làm việc một cách chuyên nghiệp, giúp SV có được phẩm chất, năng lực, trình độ, kỹ năng cơ bản của người lao động đã qua đào tạo.

Hiện nay, phần lớn các cơ sở đào tạo nghề chưa thực sự quan tâm đúng mức việc trang bị KNM cho người học. Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI mặc dù đã quan tâm tổ chức một số hoạt động phát triển KNM cho SV, nhưng hiệu quả các hoạt động đem lại chưa cao, chưa thể hiện rõ ràng kết quả các KNM phát triển được cho SV. Để nâng cao hơn nữa chất lượng phát triển KNM cho SV, nhà trường cần vận dụng, thực hiện 5 biện pháp đã đề xuất. Mỗi biện pháp có những ưu điểm và thế mạnh riêng, có vai trò tác động khác nhau đến việc phát triển KNM cho SV trong nhà trường song lại có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau, biện pháp này tạo cơ sở và tiền đề cho biện pháp kia. Vì vậy, các biện pháp cần phải được thực hiện một cách đồng bộ để nâng cao chất lượng phát triển KNM cho SV nói riêng và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ngô Anh Tuấn - Bùi Thị Hải Lý (2013). *Xây dựng quy trình đào tạo kỹ năng mềm tại khoa Đào tạo chất lượng cao - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Giáo dục, số 318, tr 20-22; 26.
- [2] Tạ Quang Thảo (2014). *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 329, tr 27-29.
- [3] Vĩnh Thắng (2012). *Top 10 kỹ năng mềm cần thiết cho bạn trẻ*. NXB Trẻ.
- [4] Vũ Thị Nga (2017). *Giải pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Công đoàn*. Tạp chí Giáo dục số 417, tr 26-28; 31.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Chỉ thị số 3008/CT-BGDĐT ngày 18/8/2014, Hướng dẫn số 463/BGDĐT ngày 28/01/2015 về việc triển khai giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục*.
- [6] Nguyễn Thanh Bình (2006). *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.